

Bản án số: 25/2024/DS-PT

Ngày: 17-12-2024

V/v “*Yêu cầu bồi thường danh dự do bị kiện oan, bồi thường chi phí đi lại, thu nhập bị mất do đến Tòa án làm việc, bồi thường thiệt hại do mất thu hoạch trên đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Mỹ Lệ.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Xuân;

Ông Lâm Anh Luyện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLPT-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2024 về “*Yêu cầu bồi thường danh dự do bị kiện oan, bồi thường chi phí đi lại đến Tòa án để làm việc, bồi thường mất thu nhập do đến Tòa án làm việc, bồi thường do mất thu hoạch trên đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Q, Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Sùng Chứ D, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Cao Xuân B, Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang,

có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lục Thị Lăng, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Ông và ông Sùng Chứ D xảy ra tranh chấp đất đai từ năm 2014 và đã được UBND xã N phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn của huyện M hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến năm 2021 ông D đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp buộc ông phải trả cho ông D hai thửa đất, một thửa có diện tích 1.401m<sup>2</sup>, một thửa diện tích 2.335,9m<sup>2</sup>. Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 104/2023/DS-PT ngày 06/3/2023. Tòa án đã bác yêu cầu khởi kiện của ông D, công nhận quyền sử dụng đất của ông đối với diện tích 1.401m<sup>2</sup> nhưng ông D không chịu trả đất cho ông vẫn tiếp tục canh tác và làm nhà ở trên diện tích đất đó. Do ông D khởi kiện không đúng nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi, thiệt hại về kinh tế cho gia đình ông vì phải đi theo kiện. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Sùng Chứ D bồi thường thiệt hại cho ông do bị kiện oan số tiền 50.000.000đ; bồi thường do mất thu hoạch trong hai thửa đất (thửa số 96 GCNQSDĐ số BV667222 và thửa số 07 GCNQSDĐ số 667455 do UBND huyện Mèo Vạc cấp cho ông T) ông D chiếm đất của ông sử dụng từ năm 2014 đến năm 2023 là 60.000.000 đồng; bồi thường mất thu nhập do đi lại đến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội số tiền 22.120.000đ; bồi thường chi phí đi lại đến Tòa án tỉnh Hà Giang 08 lần số tiền 25.000.000đ và 02 lần làm việc tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội số tiền 25.000.000đ. Tổng cộng yêu cầu ông D phải bồi thường số tiền: 182.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024 ông Nguyễn Đức T trình bày: Yêu cầu ông Sùng Chứ D bồi thường cho ông số tiền 50.000.000đ do bị kiện oan; bồi thường mất thu hoạch trên đất từ 2014 đến 2023 là 60.000.000đ; bồi thường chi phí đi lại đến Tòa án nhân dân tỉnh 8.910.000đ; bồi thường chi phí đi lại đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội 7.180.000đ; bồi thường mất thu nhập do phải đi lại đến Tòa án làm việc là 8.400.000đ. Tổng cộng yêu cầu ông D phải bồi thường số tiền 134.490.000đ. Ngoài ra ông T còn yêu cầu ông D bồi thường chi phí đi lại, mất thu nhập của vợ ông là bà Lục Thị L và con gái là chị Nguyễn Thị L số tiền 1.590.000đ/người.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông Nguyễn Đức T trình bày: Yêu cầu ông Sùng Chứ D phải bồi thường cho ông do bị kiện oan 50.000.000đ; bồi thường do mất thu hoạch trên đất 60.000.000đ; bồi thường mất thu nhập trong quá trình giải quyết vụ án 5.400.000đ; bồi thường chi phí đi lại làm việc tại Tòa án nhân dân tỉnh gồm: Ông T số tiền 14.310.000đ, bà Lục Thị L số tiền 1.590.000đ và chị Nguyễn Thị L số tiền 1.590.000đ; bồi thường chi phí đi lại làm việc tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội 3.370.000đ. Tổng số tiền yêu cầu ông D phải bồi thường là 136.260.000đ.

*Tại văn bản trình bày ý kiến và biên bản lấy lời khai ông Sùng Chứ D trình bày:* Ông mua đất từ ông Chá Vả L vào năm 2010 và ông canh tác liên tục từ đó đến nay. Đến năm 2019 khi Ủy ban nhân dân xã vào làm việc để hoà giải thì ông mới biết ông T đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất và đến tranh chấp đất với ông. Đất ông đã mua và sử dụng từ năm 2010 đến nay, ông T được cấp Giấy chứng nhận QSD đất khi nào ông không biết, ông T cũng không canh tác, sử dụng diện tích đất này, vì vậy nay ông T khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường do bị kiện oan ông không chấp nhận, việc yêu cầu bồi thường do bị mất thu hoạch từ năm 2014 đến năm 2023 ông cũng không nhất trí vì thực tế ông là người trực tiếp sử dụng, canh tác liên tục trên diện tích đất này từ năm 2010 cho đến nay, ông T không có tài sản hay trồng cấy gì trên đất; đối với yêu cầu bồi thường chi phí đi lại đến Tòa án làm việc và mất thu nhập do đến Tòa án làm việc ông cũng không chấp nhận vì việc Tòa án yêu cầu đến làm việc là quyền và nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng là ngang nhau và phải có mặt theo giấy triệu tập của tòa án được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy các yêu cầu của ông Nguyễn Đức T là không có căn cứ, ông không chấp nhận.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị L trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Đức T, do việc khởi kiện của ông D từ năm 2022, bà phải đến Tòa án tỉnh Hà Giang làm việc 02 lần là 04 ngày (thu nhập 01 ngày công là 200.000đ/ngày); tiền vé xe 120.000đ/1 chiều; chi phí ăn uống 150.000đ/ngày; chi phí ở trọ 120.000đ/1 lần đi. Tổng số tiền bà yêu cầu ông D phải bồi thường cho bà là 2.120.000đ.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2024 chị Nguyễn Thị Lơ trình bày:* Chị là con gái ông Nguyễn Đức T, việc ông T khởi kiện yêu cầu ông D phải bồi thường và có yêu cầu ông D phải bồi thường cho chị số tiền chi phí đi lại, ăn ở để làm việc theo yêu cầu của Tòa án, nhưng chị không có yêu cầu gì đối với ông D về việc buộc ông D phải bồi thường cho chị.

Tại Bản án số 01/2024/DS-ST, ngày 11-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định: Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 73; Điều 147; Điều 203; Điều 217; Điều 227; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 588; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T yêu cầu bị đơn ông Sùng Chứ D bồi thường chi phí đi lại trong quá trình làm việc tại tòa án (Tòa án tỉnh Hà Giang 8.910.000 đồng và Tòa án cấp cao tại Hà Nội số tiền 7.180.000 đồng) tổng số tiền 16.090.000 đồng và yêu cầu bồi thường do mất thu nhập trong quá trình giải quyết vụ án số tiền 8.400.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T đòi bồi thường do mất thu hoạch trên diện tích đất 2.335,9m<sup>2</sup> tại thửa số 07 thuộc GCN QSDĐ số BV667455.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị L yêu cầu ông Sùng Chứ D bồi thường số tiền: 2.120.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện do bị kiện oan của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T đòi ông Sùng Chứ D phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường do mất thu hoạch trên diện tích đất 1.404m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 96 GCNQSDĐ số BV667222 từ năm 2014 đến 2024 (tổng 10 năm 8 tháng) số tiền 21.000.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc ông Sùng Chứ D chấm dứt việc canh tác trên diện tích đất 1.401m<sup>2</sup> nằm trong thửa số 96 GCNQSDĐ số BV667222 do UBND huyện Mèo Vạc cấp cho gia đình ông và tự giác tháo dỡ nhà cửa, chuồng trại, tài sản trên đất, khôi phục lại hiện trạng đất ban đầu trả lại cho ông T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 22/9/2024 ông Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo với nội dung, ông không nhất trí với bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Sùng Chứ D phải bồi thường thiệt hại cho ông do bị mất thu nhập trên diện tích đất 1.401m<sup>2</sup> (nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số BV 667.222, tờ bản đồ số 02 do UBND huyện M cấp ngày 10/12/2014), vì ông D lấn chiếm sử dụng trái phép đất của ông nên ông không thể canh tác được dẫn đến mất thu nhập của ông từ năm 2014 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Sùng Chứ D phải bồi thường thiệt hại cho ông do bị mất thu nhập trên thửa đất 1.401 m<sup>2</sup> từ năm 2014 đến năm 2023 là 11 năm, số tiền bồi thường được tính theo Công văn số 103, ngày 27/6/2024 của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện M là 5.000.000đ/1 năm (chưa bao gồm khấu trừ chi phí sản xuất). Ông Nguyễn Đức T đề nghị HĐXX xem xét và quyết định trên cơ sở mức giá phòng Nông nghiệp huyện M cung cấp và khấu trừ đi chi phí sản xuất để buộc ông D phải trả tiền bồi thường cho ông. Ngoài ra ông T còn đề nghị HĐXX buộc ông Sùng Chứ D chấm dứt việc canh tác trên diện tích đất 1.401m<sup>2</sup> nằm trong thửa số 96 Giaasy chứng nhận QSD đất số BV667222, do UBND huyện Mèo Vạc cấp cho gia đình ông và tự tháo dỡ nhà cửa, chuồng trại, tài sản trên đất, khôi phục lại hiện trạng đất ban đầu trả lại cho ông T.

Bị đơn ông Sùng Chứ D trình bày: Ông giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật vì thực tế ông T không trồng cây gì trên diện tích đất này, ông D mới là người trực tiếp sử dụng đất và canh tác hàng năm trên đất

từ năm 2010 đến nay, năm 2010 khi ông mua đất của ông Chá Vả L và cho máy cuốc về san đất mới có mặt bằng để canh tác và sử dụng như hiện nay.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông T kháng cáo vì cho rằng Bản án sơ thẩm không buộc ông D phải bồi thường thiệt hại do lấn chiếm đất trái phép, làm mất thu nhập trên đất của ông là chưa bảo đảm quyền lợi hợp pháp và chính đáng của ông. Nhưng trong phần nhận định của toà án, mục [4.3] của Bản án sơ thẩm, đã phân tích “*Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20 tháng 6 năm 2024, ông Nguyễn Đức T và ông Sùng Chứ D đều khẳng định ông D đã trồng ngô trên diện tích đất 1.401m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 96 Giấy chứng nhận QSD đất số BV667222 từ năm 2010 đến nay. Theo quy định tại Điều 584 và khoản 2 Điều 589 Bộ luật dân sự thì thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị giảm sút. Như vậy, từ khi được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho đến nay ông T chưa canh tác trên phần đất này và cũng không đưa ra được tài liệu để chứng minh thiệt hại cụ thể. Hơn nữa đến năm 2019 mới phát sinh tranh chấp và được UBND xã hòa giải. Do vậy đối với yêu cầu này của ông T không có căn cứ để chấp nhận*”. Trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, ông T cũng không chứng minh được việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các căn cứ pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang; Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức T theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trong thời hạn luật định là hợp lệ, phù hợp quy định tại Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của bà L không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó HĐXX tiếp tục xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Đối với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đức T yêu cầu ông Sùng Chứ D phải bồi thường thiệt hại do ông D lấn chiếm đất làm cho ông bị mất thu nhập không canh tác được từ năm 2014 đến năm 2023 (11 năm) trên thửa đất 1.401 m<sup>2</sup> nằm trong Giấy chứng nhận QSD đất số BV 667222 mang tên hộ ông Nguyễn Đức T và bà Lục Thị L do UBND huyện M cấp ngày

10/12/2014. Số tiền yêu cầu bồi thường đề nghị tính theo Công văn số 103, ngày 27/6/2024 của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện M là 5.000.000đ/1 năm (chưa bao gồm khấu trừ chi phí sản xuất) x 11 tháng = 55.000.000đ. Ông Nguyễn Đức T đề nghị HĐXX xem xét và quyết định trên cơ sở mức giá phòng Nông nghiệp huyện M cung cấp và khấu trừ đi chi phí sản xuất hợp lý để buộc ông D phải trả tiền bồi thường cho ông.

[3] Xét thấy tại Bản án số 06/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tại phần trình bày của ông Nguyễn Đức T có trình bày năm 2011 ông trồng được một vụ ngô thì ông D bắt đầu tranh chấp, tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày từ năm 2011 đến năm 2014 ông cho ông D mượn để canh tác. Trước khi ông D mượn canh tác thì ông cho ông Chá Sáu H thuê canh tác 03 năm giá thuê 450.000 đồng từ năm thứ tư trở đi do đất bạc màu năng suất ngô kém nên không lấy tiền thuê của ông Chá Sáu H nữa, đến năm 2002 ông lấy lại một phần đất cho ông H mượn để trồng chuối và cây rau lợn. Mặt khác tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20 tháng 6 năm 2024 ông Nguyễn Đức T và ông Sùng Chứ D đều khẳng định ông D đã trồng ngô trên diện tích đất 1.401m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 96 Giấy chứng nhận QSD đất số BV 667222 từ năm 2010 đến nay. Theo quy định tại Điều 584 và khoản 2 Điều 589 Bộ luật dân sự thì thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị giảm sút. Như vậy, từ khi được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho đến nay ông T chưa canh tác trên phần đất này và cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại cụ thể. Hơn nữa đến năm 2019 giữa hai bên mới phát sinh tranh chấp và được UBND xã hòa giải, việc hoà giải không thành ông D mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập là không có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có phù hợp.

[4] Tại phiên tòa ông T đề nghị HĐXX xem xét buộc ông Sùng Chứ D chấm dứt việc canh tác trên diện tích đất 1.401m<sup>2</sup> nằm trong thửa số 96 Giấy chứng nhận QSD đất số BV667222, do UBND huyện M cấp cho gia đình ông và tự tháo dỡ nhà cửa, chuồng trại, tài sản trên đất, khôi phục lại hiện trạng đất ban đầu trả lại cho ông T. HĐXX xét thấy tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST, ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã tuyên "*2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Sùng Chứ D, bà Giàng Thị M về việc: Buộc ông Nguyễn Đức T trả lại 1.401m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa 96 Giấy chứng nhận QSD đất số BV667222, do UBND huyện Mèo Vạc cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Đức T, bà Lục Thị L.....*" và tại Bản án số 104/2023/DS-PT, ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: "*1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Sùng Chứ D, bà Giàng Thị M, giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST, ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.....*". Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật, ông T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án đã có hiệu lực của Tòa án, ông không còn quyền khởi kiện và Tòa án cũng không được quyền giải quyết đối với yêu cầu này của ông. Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T giữ nguyên

kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Sùng Chứ D đã gây thiệt hại cho ông T.

[5] Từ những phân tích trên xét thấy toà án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, bà Lục Thị L về việc yêu cầu ông Sùng Chứ D phải bồi thường thiệt hại do mất thu nhập không canh tác được từ năm 2014 đến năm 2023 trên thửa đất 1.401 m<sup>2</sup> là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Đức T, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11-9-2024 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà phù hợp với nhận định của HĐXX phúc thẩm do đó được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Nguyễn Đức T là người cao tuổi, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức T theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức T. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11-09-2024 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện M. Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện M. HG
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mỹ Lệ**